

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Bích Hằng;

- Bà Lê Thị Chiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 13/10/1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh V tại thôn C, xã M, huyện T. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V chơi bời, có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến gia đình, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi. Đến tháng 10 năm 2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vinh.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 30/4/1999 và cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 15/01/2002, hiện cháu V đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu N đang ở cùng chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn V: Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về giao con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V, anh V có nơi cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh V, anh V có biết việc chị Hương làm đơn xin ly hôn nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc và cũng không thông báo chính quyền địa phương về việc thay đổi nơi cư trú của mình. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau ngày 13/10/1998 trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn

do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh V chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, mặc dù anh V biết việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng không hợp tác và không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại địa phương và gia đình, thể hiện anh V không có nghề nghiệp ổn định, đi làm tự do nên ít khi về nhà. Hội đồng xét xử thấy giữa chị H và anh V không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H và anh V được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1999 và cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 15/01/2002, hiện cháu V đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa cháu N hiện tại đang ở cùng chị H, anh V thường xuyên vắng mặt nên cần giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này, khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 15/01/2002. Anh Nguyễn Văn V không

phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000916 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Minh Quang, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

